ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 924 /QĐ-UBND	*Đại Đình, ngày 22 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thủy lợi khu vực xã Đại Đình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD, 36/2026/TT-BXD; Thông tư số 37/2026/TT-BXD; Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 25-26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp công trình, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-SXD ngày 02/7/2026 và Quyết định số 756/QĐ-SXD ngày 14/7/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ về công bố giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 24/12/2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/7/2026; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10/7/2026 của Hội đồng nhân dân xã Đại Đình về Kế hoạch đầu tư côngvà điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của UBND xã Đại Đình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thủy lợi khu vực xã Đại Đình;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-BQLDA ngày 18/8/2026 của Ban Quản lý dự án xã Đại Đình về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi phí khảo sát lập Báo cáo KTKT;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-BQLDA ngày 18/8/2026 của Ban Quản lý dự án xã Đại Đình về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và dự toán chuẩn bị đầu tư lập Báo cáo KTKT;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-BQLDA ngày 19/8/2026 của Ban Quản lý dự án xã Đại Đình về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng số 09/TB-KQTTr ngày 07/9/2026 của Công ty TNHH Tập đoàn đầu tư Phúc Long về kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thủy lợi khu vực xã Đại Đình;

Căn cứ Thông báo Kết quả thẩm định số 56/TB-KT ngày 16/9/2026 của Phòng Kinh tế xã về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thủy lợi khu vực xã Đại Đình;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án xã Đại Đình tại Tờ trình 57/TTr-BQLDA ngày 21/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thủy lợi khu vực xã Đại Đình với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thủy lợi khu vực xã Đại Đình.

2. Loại, nhóm, cấp dự án: Công trình Nông nghiệp và môi trường, dự án nhóm C; cấp IV.

3. Mã định danh: …….....

4. Địa điểm xây dựng dự án: Tại các thôn Đồng Hội, Giáp Giang, Sơn Thanh, Trại Mái, Bồ Trong, Cầu Chang, Bồ Ngoài, xã Đại Đình, tỉnh Phú Thọ.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịchUBND xã Đại Đình.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xã Đại Đình.

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật

- Tên công ty: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ Gia Phúc.

- Mã số doanh nghiệp: 2500756567

8. Mục tiêu dự án

Đầu tư cải tạo, nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống mương thủy lợi khu vực xã Đại Đình nhằm chủ động nguồn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các thôn Đồng Hội, Giáp Giang, Sơn Thanh, Trại Mái, Bồ Trong, Cầu Chang, Bồ Ngoài; giảm thất thoát, thấm lậu nước, hạn chế sạt lở, bồi lắng lòng kênh; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã, phù hợp quy hoạch và kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương.

9. Quy mô và giải pháp kỹ thuật đầu tư dự án

*** Quy mô đầu tư:** Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thủy lợi khu vực xã Đại Đình, có tổng chiều dài khoảng L=6.892m, gồm 20 tuyến.

*** Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:**

9.1. Tuyến kênh từ trạm biến thế đi xứ đồng vai khoa (L=259m): K0+00÷K0+193 kiên cố hóa, mặt cắt bxh=0,4x0,5m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe (thanh giằng kép, giấy dầu tẩm nhựa đường); ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Đoạn K0+193÷K0+259 (66m) giữ nguyên luồng tiêu hiện trạng. Công trình trên kênh: xây mới 5 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.2. Tuyến kênh cửa làng (L=625m): K0+00÷K0+625, mặt cắt bxh=0,4x0,5m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: giữ nguyên cống qua đường tại K0+345 (L=4m); xây mới 14 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.3. Tuyến kênh cửa làng đi cầu đá (L=442m): K0+00÷K0+28,76 bxh=0,7x0,7m; K0+28,76÷K0+188,05 bxh=0,7x0,8m; K0+188,05÷K0+427 bxh=0,8x0,9m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: giữ nguyên cống qua đường tại K0+30 (L=4m) và K0+190 (L=4,23m); xây mới 4 vị trí dốc nước; xây mới 4 tấm đan bxh=0,7x0,8m và 7 tấm đan bxh=0,8x0,9m (BTCT200#, L=2m).

9.4. Tuyến kênh lò gạch (L=134m): K0+00÷K0+134, mặt cắt bxh=0,4x0,5m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới 4 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.5. Tuyến kênh van tháo đi cửa làng (L=120m): K0+00÷K0+41 kênh đáy nắp B600, đáy bê tông M150#, lót bạt rứa, đệm đá dăm dày 10cm, thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm, xà mũ bê tông M250#, đậy tấm đan lắp ghép BTCT250#, đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³; K0+41÷K0+120 kênh gạch xây hở bxh=0,6x0,7m, đáy bê tông M150#, lót bạt rứa, thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm, giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe, ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống, đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới 2 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.6. Tuyến kênh cửa làng đi đồng cũ (L=387m): K0+00÷K0+387, mặt cắt bxh=0,4x0,5m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1

thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới cống qua đường tại K0+285; xây mới 9 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.7. Tuyến kênh cửa làng đi dọc dưới (L=350m): K0+00÷K0+350, mặt cắt bxh=0,4x0,5m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới cống qua đường tại K0+272; xây mới 8 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.8. Tuyến kênh giữa đồng đi dọc dưới (L=182m): K0+00÷K0+80 bxh=0,4x0,5m; K0+80÷K0+182 bxh=0,6x0,8m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới cống qua đường tại K0+00; xây mới 1 vị trí dốc nước; làm mới 3 tấm đan bxh=0,4x0,5m và 3 tấm đan bxh=0,6x0,8m (BTCT200#, L=2m).

9.9. Tuyến kênh cửa đền đi dọc dưới (L=213m): K0+00÷K0+213, mặt cắt bxh=0,4x0,5m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: giữ nguyên cống dọc kênh tại K0+50 (L=25,5m); xây mới 6 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.10. Tuyến kênh cao phô đi cống Thèn (L=294m): K0+00÷K0+294, mặt cắt bxh=0,4x0,5m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới 3 vị trí dốc nước; xây mới 10 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.11. Tuyến kênh đi xứ đồng Cao Lèo trên (L=307m): K0+00÷K0+307, mặt cắt bxh=0,4x0,5m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới 1 vị trí dốc nước; xây mới cống qua đường tại K0+272 (L=6m); xây mới 9 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.12. Tuyến kênh đi xứ đồng Cao Lèo dưới (L=320m): K0+00÷K0+320, mặt cắt bxh=0,5x0,6m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới cống qua đường tại K0+102; xây mới 9 vị trí dốc nước; xây mới 13 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.13. Tuyến kênh N1 giữa đồng Cao Lèo (L=236m): K0+00÷K0+236, mặt cắt bxh=0,4x0,5m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới cống qua đường tại K0+43; xây mới 4 vị trí dốc nước; xây mới 6 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.14. Tuyến kênh N2 giữa đồng Cao Lèo (L=191m): K0+00÷K0+191, mặt cắt bxh=0,4x0,5m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới cống qua đường tại K0+00; xây mới 4 vị trí dốc nước; xây mới 5 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.15. Tuyến kênh khu đồng Mon (L=119m): K0+00÷K0+35 kênh đạy nắp B400, đáy bê tông M150#, lót bạt rứa, đệm đá dăm dày 10cm, thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm, xà mũ bê tông M250#, đạy tấm đan lắp ghép BTCT250#, đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³; K0+35÷K0+119 kênh gạch xây hở bxh=0,4x0,5m, đáy bê tông M150#, lót bạt rứa, thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm. Công trình trên kênh: xây nối dài kênh xây L=5m (bxh=0,4x0,5m); xây mới 3 vị trí dốc nước; xây mới 4 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.16. Tuyến kênh chính hồ Trại Mái đi Ngọc Thụ (L=700m): K0+00÷K0+167,62 bxh=0,8x0,9m; K0+167,62÷K0+700 bxh=1x1,1m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75#, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: giữ nguyên cống qua đường tại K0+170 (L=4m) và K0+480 (L=5m); xây mới 7 vị trí dốc nước; xây mới 5 tấm đan bxh=0,8x0,9m và 11 tấm đan bxh=1x1,1m (BTCT200#, L=2m, dày 15cm).

9.17. Tuyến kênh N2 hồ Trại Mái (L=95m): K0+00÷K0+95, kênh gạch xây bxh=0,6x0,7m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: xây mới 3 vị trí dốc nước; xây mới 4 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.18. Tuyến kênh từ cầu máng đi đồng cửa Đình (L=605m): K0+00÷K0+214 bxh=0,8x0,9m; K0+281÷K0+605 bxh=1x1m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75#, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm γK≥1,45T/m³. Công trình trên kênh: giữ nguyên cống qua đường tại K0+214 (L=67m) và K0+516 (L=12m); xây mới 4 vị trí dốc nước; xây mới 5 tấm đan bxh=0,8x0,9m và 8 tấm đan bxh=1x1m (BTCT200#, L=2m, dày 15cm).

9.19. Tuyến kênh Cửa Đình đi đồng Giáp Cõi (L=1.052m): K0+00÷K0+624 kênh đáy nắp B400, đáy bê tông M150#, lót bạt rứa, đệm đá dăm dày 10cm, thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm, xà mũ bê tông M250#, đậy tấm đan lắp ghép BTCT250#; K0+624÷K1+052 kênh gạch xây hở bxh=0,4x0,5m, đáy bê tông M150#, lót bạt rứa, thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm, giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe, ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống, đất đắp đầm bảo đảm $\gamma K \geq 1,45 T/m^3$. Công trình trên kênh: xây mới cống qua đường tại K0+780 (L=11,8m) và K1+048 (L=5m); xây mới 13 vị trí hố ga; xây mới 9 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

9.20. Tuyến kênh N2 Trạm bơm Cầu Chang 2 (L=261m): K0+00÷K0+261, kênh gạch xây bxh=0,6x0,7m; đáy bê tông M150#, lót bạt rứa; thành xây gạch bê tông không nung VXM75# dày 22cm, trát VXM75# dày 1,5cm; giằng ngang 5m/1 thanh, khe lún 20m/khe; ống PVC Φ110 cứ 20m/1 ống; đất đắp đầm bảo đảm $\gamma K \geq 1,45 T/m^3$. Công trình trên kênh: xây mới 3 vị trí dốc nước; xây mới 6 tấm đan BTCT200#, L=2m, dày 10cm.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

Tiêu chuẩn Quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế.

Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13615:2022 về Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế;Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4253 : 2012. Công trình Thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế.

Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 4118 - 2021: Công trình thủy lợi, hệ thống dẫn chuyển nước - Yêu cầu thiết kế; Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 4116-2023: Kết cấu bê tông cốt thép thuỷ công - Tiêu chuẩn thiết kế; Tiêu chuẩn TCVN 4447:2012 :Công tác đất - thi công và nghiệm thu.

Tiêu chuẩn TCVN 10406:2015:Công trình thủy lợi tính toán hệ số tiêu thiết kế; TCVN 5574 : 2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 12845: 2020 Công trình thuỷ lợi, thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ chương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 18.500.000.000 đồng ***(Bằng chữ: Mười tám tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)***

Trong đó:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị (đồng)
1	Chi phí xây dựng	15.765.807.000
2	Chi phí quản lý dự án	429.696.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.319.124.000
4	Chi phí khác	259.162.000
5	Chi phí dự phòng	726.211.000
	Tổng cộng	**18.500.000.000**

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của xã và nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Dự án thực hiện cải tạo, nâng cấp trên nền tuyến kênh thủy lợi hiện có trong phạm vi đất công trình thủy lợi đang quản lý, không thực hiện thu hồi đất, không phát sinh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án xã Đại Đình (chủ đầu tư) tổ chức đóng dấu phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Nghị định 217/2026/NĐ-CP; chịu trách nhiệm toàn diện, trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ trình phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Ban Quản lý dự án xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐÌNH
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, BQLDA.

CHỦ TỊCH

Đào Thắng